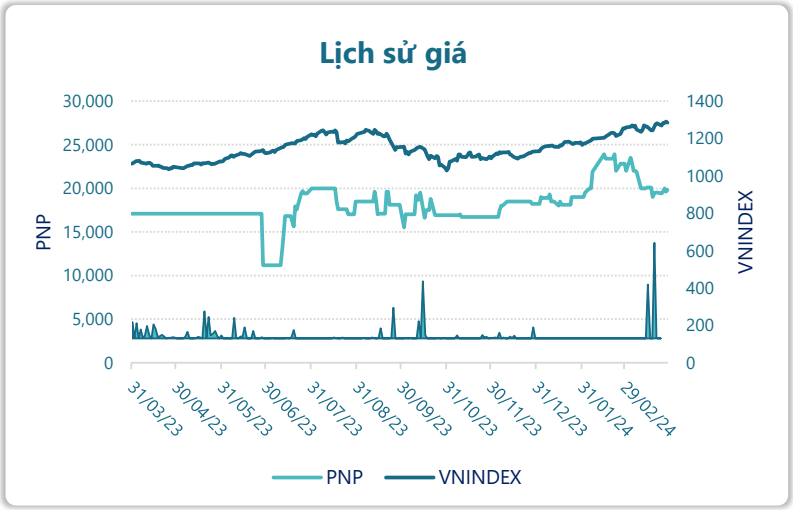
FireAnt

CTCP Tân Cảng - Phú Hữu (UPCOM: PNP)



Thông tin giao dịch	31/03/2024
Giá hiện tại (VNĐ)	**19,800**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	23,900
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	11,178
SL cổ phiếu LH	16,100,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	1,595
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	319
P/E	7.3
EPS	2,710

DT thuần

Q1/24

91.4

tỷ VNĐ

QoQ: ▼7.10| -7.2%

YoY: ▲ 16.5| 22.0%

LN sau thuế

Q1/24

11.8

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 2.01| 20.7%

YoY: ▲ 3.89| 49.4%

Tỷ suất lãi EBIT

2023

17.3%

+/- YoY: ▼ 0.7%

DT thuần

2023

345

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 5.00| 1.6%

LN sau thuế

2023

41.3

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 0.30| 0.6%

ROE

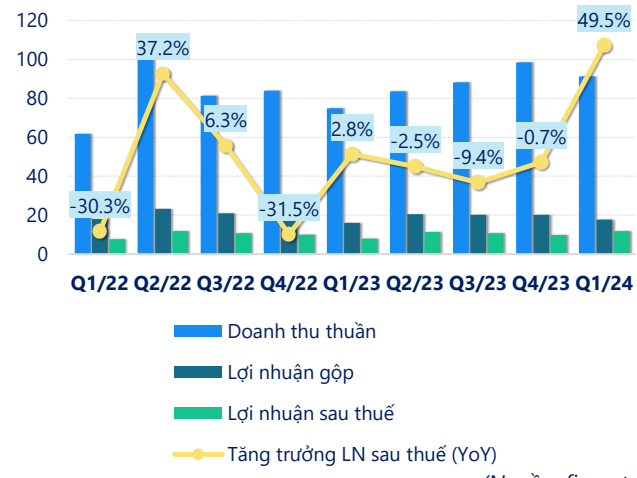
2023

18.7%

+/- YoY: ▼ 0.4%

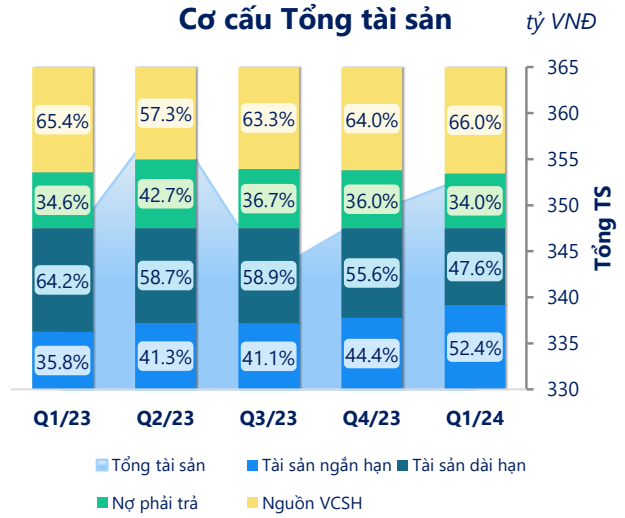
Powered by Infographic

Kết quả kinh doanh



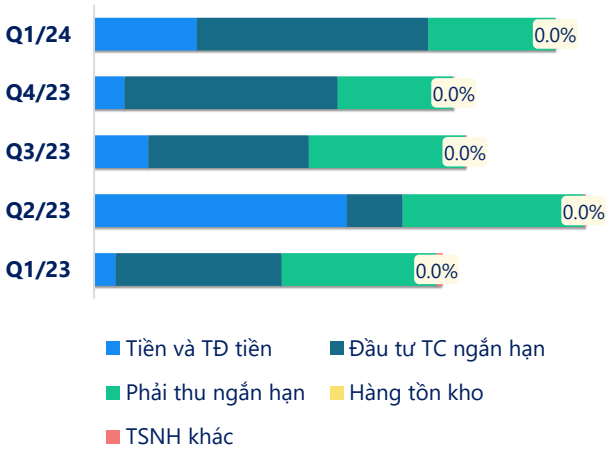
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



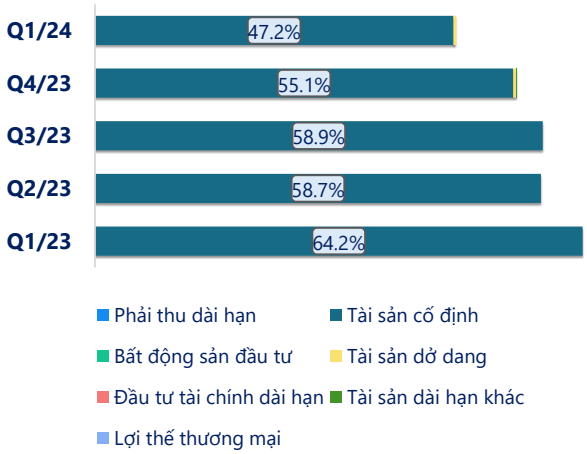
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



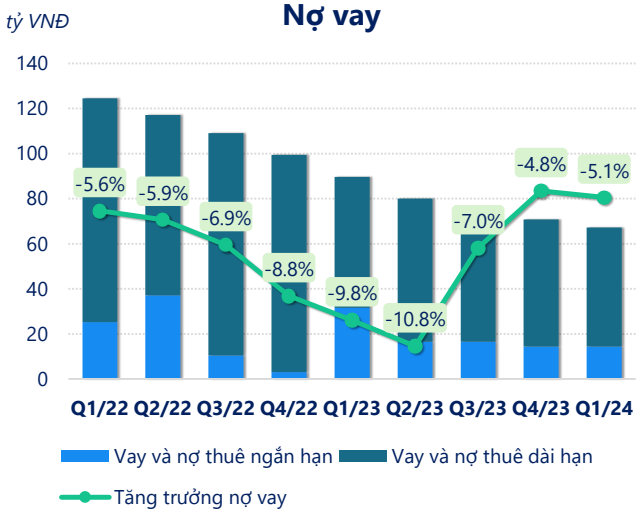
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



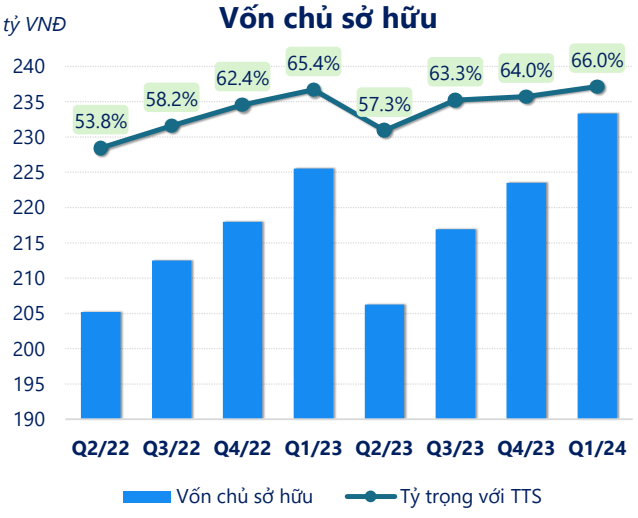
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



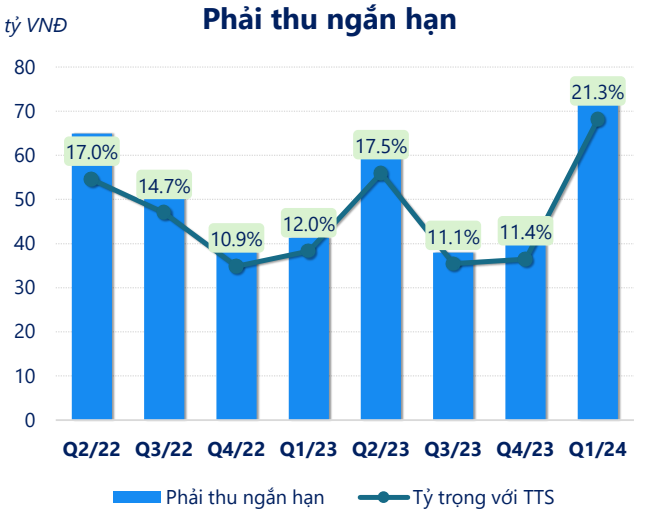
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



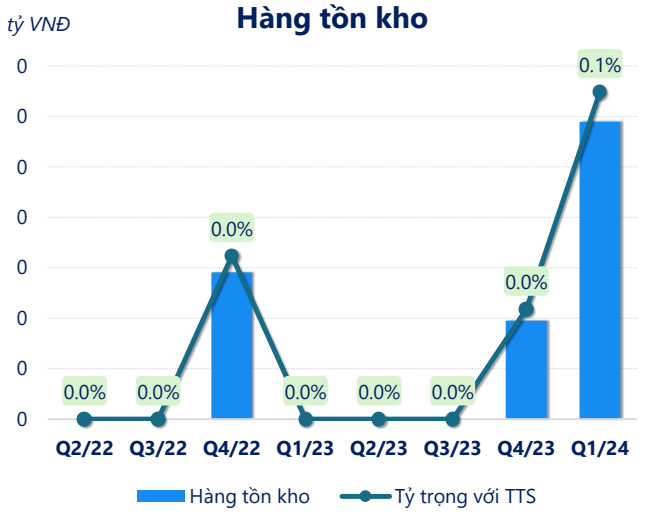
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



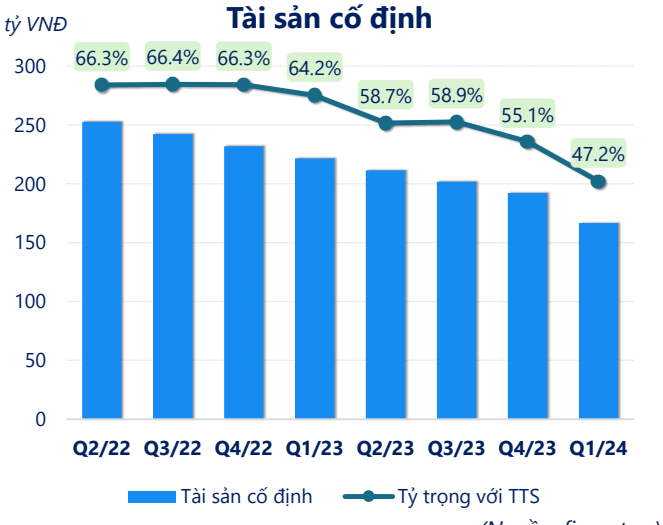
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



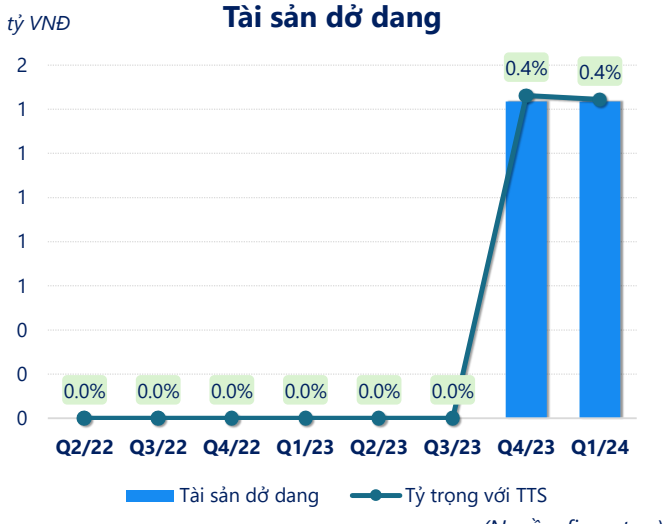
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



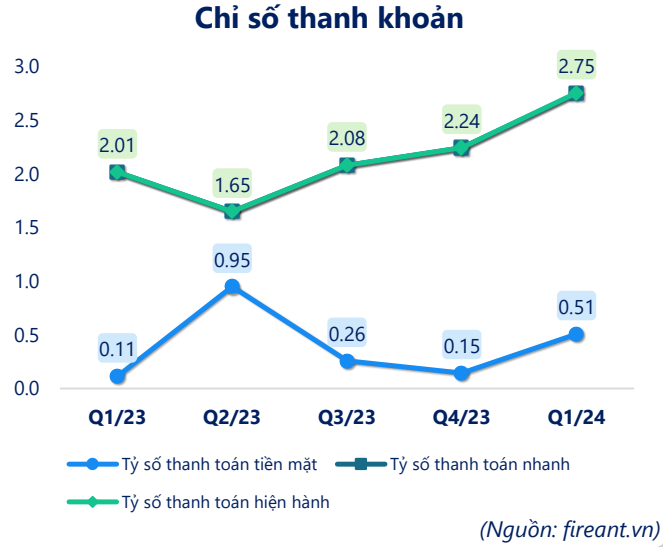
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



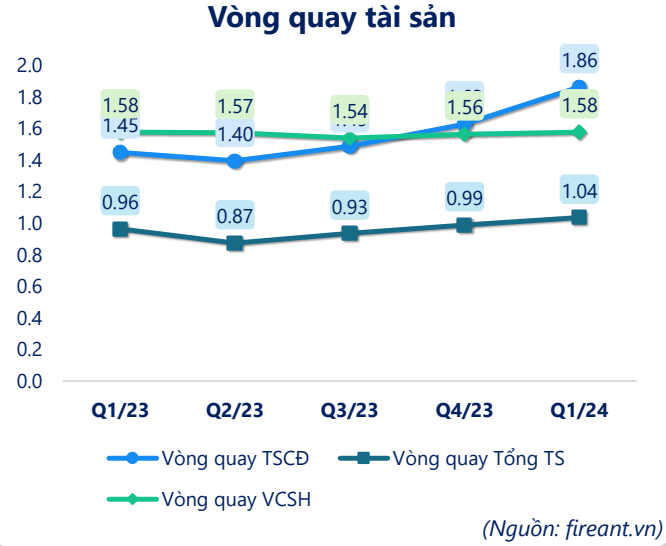
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q1/23	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24
Tổng tài sản	**345**	**360**	**343**	**349**	**353**
Tài sản ngắn hạn	**124**	**149**	**141**	**155**	**185**
Tiền và tương đương tiền	6.99	85.6	17.5	10.0	34.2
Đầu tư tài chính ngắn hạn	75.0	0	85.0	105	75.0
Phải thu ngắn hạn	41.3	63.0	37.9	39.8	75.3
Hàng tồn kho	0	0	0	0.10	0.29
Tài sản ngắn hạn khác	0.32	0.09	0.19	0.21	0.50
Tài sản dài hạn	**221**	**211**	**202**	**194**	**168**
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	221	211	202	192	167
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	0	0	0	1.44	1.44
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	0	0	0	0.30	0
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**120**	**154**	**126**	**126**	**120**
Nợ ngắn hạn	**61.4**	**90.1**	**67.7**	**69.1**	**67.3**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	31.5	16.5	16.5	14.4	14.4
Phải trả người bán ngắn hạn	10.8	21.6	20.1	36.6	24.4
Nợ dài hạn	58.2	63.6	58.0	56.4	52.8
Vay và nợ thuê dài hạn	58.2	63.6	58.0	56.4	52.8
Nguồn vốn chủ sở hữu	**226**	**206**	**217**	**224**	**233**
Vốn chủ sở hữu	**226**	**206**	**217**	**224**	**233**
Vốn điều lệ	161	161	161	161	161
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)